

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều
của Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc số 92/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và biện pháp thi hành khoản 4 Điều 9, khoản 5 Điều 16, khoản 2 Điều 19, khoản 3 Điều 21, khoản 4 Điều 22 và khoản 5 Điều 24 của Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; tiêu chí lựa chọn vị trí Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam tại Phái bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ và đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an, chiến sĩ và đơn vị thuộc Bộ Công an được cử tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ Công tác liên ngành về việc Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc (sau đây gọi là Tổ Công tác) là cơ chế phối hợp liên

ngành, được thành lập theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, giúp việc cho Thủ tướng Chính phủ về chỉ đạo, phối hợp, giải quyết các công việc quan trọng, liên ngành trong quá trình lực lượng Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

2. Văn phòng Thường trực của Tổ Công tác liên ngành về việc Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc đặt tại Bộ Quốc phòng, thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Tổ Công tác.

3. Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam tại Phái bộ là người chỉ huy cao nhất, đại diện của lực lượng Việt Nam tại Phái bộ về lĩnh vực quản lý hành chính và duy trì kỷ luật với Liên hợp quốc.

Chương II

QUY TRÌNH CỬ, ĐIỀU CHỈNH, GIA HẠN NHIỆM KỲ CÔNG TÁC, RÚT LỰC LƯỢNG

Mục 1

QUY TRÌNH CỬ, ĐIỀU CHỈNH, GIA HẠN NHIỆM KỲ CÔNG TÁC, RÚT LỰC LƯỢNG VỮ TRANG

Điều 4. Cử mới, điều chỉnh, rút lực lượng tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc

1. Khi có đề nghị của Liên hợp quốc, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an thực hiện quy trình cử mới, điều chỉnh, rút lực lượng tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

2. Trình tự, thủ tục

a) Chuẩn bị hồ sơ trình Chính phủ

Sau khi có đề nghị của Liên hợp quốc về cử mới, điều chỉnh, rút lực lượng Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an chuẩn bị hồ sơ, báo cáo Chính phủ. Hồ sơ bao gồm: Tờ trình của Bộ Quốc phòng trình Chính phủ; dự thảo Tờ trình của Chính phủ trình Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Chủ tịch nước - Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh về việc cử mới, điều chỉnh, rút lực lượng; biểu tổ chức, biên chế của đơn vị (trong trường hợp cử mới lực lượng theo hình thức đơn vị); dự thảo Nghị quyết của Chính phủ; văn bản đề nghị của Liên hợp quốc; tài liệu khác (nếu có);

b) Chính phủ xem xét về việc trình Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Chủ tịch nước - Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh;

c) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ của Chính phủ trước khi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay mặt Chính phủ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ trình Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Chủ tịch nước - Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh. Trên cơ sở quyết định của Hội đồng Quốc phòng và An ninh và hồ sơ trình của Chính phủ, Chủ tịch nước - Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh ban hành

quyết định. Hồ sơ bao gồm: Tờ trình của Chính phủ trình Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Chủ tịch nước - Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh; biểu tổ chức, biên chế của đơn vị (trong trường hợp cử mới lực lượng theo hình thức đơn vị); dự thảo quyết định của Chủ tịch nước - Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh; văn bản đề nghị của Liên hợp quốc; tài liệu khác (nếu có);

d) Căn cứ Quyết định của Chủ tịch nước - Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cử lực lượng cụ thể thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 5. Cử luân phiên, thay thế lực lượng tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc

1. Trước ngày 15 tháng 11 hằng năm, Chính phủ trình Hội đồng Quốc phòng và An ninh kế hoạch cử lực lượng luân phiên, thay thế lực lượng tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc của năm tiếp theo.

2. Trình tự, thủ tục

a) Chuẩn bị hồ sơ trình Chính phủ

Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an chuẩn bị hồ sơ, báo cáo Chính phủ. Hồ sơ bao gồm: Tờ trình của Bộ Quốc phòng trình Chính phủ; dự thảo Tờ trình của Chính phủ trình Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Chủ tịch nước - Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh về kế hoạch cử lực lượng luân phiên, thay thế; dự thảo kế hoạch cử lực lượng luân phiên, thay thế; dự thảo Nghị quyết của Chính phủ; tài liệu khác (nếu có);

b) Chính phủ xem xét việc trình Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Chủ tịch nước - Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh kế hoạch cử lực lượng luân phiên, thay thế;

c) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ của Chính phủ trước khi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay mặt Chính phủ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ trình Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Chủ tịch nước - Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh. Trên cơ sở quyết định của Hội đồng Quốc phòng và An ninh và hồ sơ trình của Chính phủ, Chủ tịch nước - Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh ban hành quyết định kế hoạch cử lực lượng luân phiên, thay thế. Hồ sơ bao gồm: Tờ trình của Chính phủ trình Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Chủ tịch nước - Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh; dự thảo kế hoạch cử lực lượng luân phiên, thay thế; dự thảo quyết định của Chủ tịch nước - Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh; tài liệu khác (nếu có).

Điều 6. Gia hạn nhiệm kỳ công tác và rút lực lượng trong trường hợp khẩn cấp

1. Gia hạn nhiệm kỳ công tác

a) Khi có đề nghị của Liên hợp quốc về việc gia hạn nhiệm kỳ công tác đối với lực lượng Việt Nam tại Phái bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ

trưởng Bộ Công an quyết định việc gia hạn nhiệm kỳ công tác đối với lực lượng thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an báo cáo Hội đồng Quốc phòng và An ninh về việc gia hạn nhiệm kỳ công tác đối với lực lượng Việt Nam trong vòng 10 ngày làm việc kể từ thời điểm có quyết định. Hồ sơ bao gồm: Báo cáo về việc gia hạn kèm theo Quyết định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; văn bản đề nghị của Liên hợp quốc; các tài liệu khác (nếu có).

2. Rút lực lượng trong trường hợp khẩn cấp

a) Khi có đề nghị của Liên hợp quốc hoặc căn cứ tình hình thực tiễn, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định rút lực lượng thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an báo cáo Hội đồng Quốc phòng và An ninh về việc rút lực lượng khẩn cấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ thời điểm có quyết định. Hồ sơ bao gồm: Báo cáo về việc rút lực lượng khẩn cấp kèm theo Quyết định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; văn bản đề nghị của Liên hợp quốc hoặc báo cáo đề xuất của Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam tại Phái bộ; các tài liệu khác (nếu có).

3. Rút toàn bộ lực lượng Việt Nam tại một Phái bộ trong trường hợp khẩn cấp

a) Khi có đề nghị của Liên hợp quốc hoặc căn cứ tình hình thực tiễn, Bộ trưởng Bộ chủ quản của Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam tại Phái bộ thống nhất với người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan quyết định rút lực lượng;

b) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan báo cáo Hội đồng Quốc phòng và An ninh (đối với lực lượng vũ trang), Thủ tướng Chính phủ (đối với lực lượng dân sự) trong vòng 07 ngày làm việc kể từ thời điểm có quyết định. Hồ sơ bao gồm: Báo cáo về việc rút lực lượng khẩn cấp kèm theo Quyết định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; văn bản đề nghị của Liên hợp quốc hoặc báo cáo đề xuất của Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam tại Phái bộ; các tài liệu khác (nếu có).

Mục 2

QUY TRÌNH CỬ MỚI, CỬ LUÂN PHIÊN, THAY THẾ, ĐIỀU CHỈNH, GIA HẠN NHIỆM KỲ CÔNG TÁC, RÚT LỰC LƯỢNG DÂN SỰ

Điều 7. Cử mới, cử luân phiên, thay thế, điều chỉnh, rút lực lượng tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc

1. Chuẩn bị hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ.

a) Sau khi có đề nghị của Liên hợp quốc về cử lực lượng Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc, Bộ Quốc phòng phối hợp, hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan

chuẩn bị hồ sơ. Hồ sơ bao gồm: Tờ trình của Bộ Quốc phòng báo cáo Thủ tướng Chính phủ; văn bản đề nghị của Liên hợp quốc; dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; tài liệu khác (nếu có);

b) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định về việc cử mới, cử luân phiên, thay thế, điều chỉnh và rút lực lượng. Hồ sơ bao gồm: Tờ trình của Bộ Quốc phòng báo cáo Thủ tướng Chính phủ; văn bản đề nghị của Liên hợp quốc; dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; tài liệu khác (nếu có).

2. Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cử lực lượng cụ thể thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 8. Gia hạn nhiệm kỳ công tác và rút lực lượng trong trường hợp khẩn cấp

1. Gia hạn nhiệm kỳ công tác

a) Khi có đề nghị của Liên hợp quốc, người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn nhiệm kỳ công tác đối với lực lượng thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ thời điểm có quyết định. Hồ sơ bao gồm: Báo cáo về việc gia hạn kèm theo Quyết định của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan; văn bản đề nghị của Liên hợp quốc; các tài liệu khác (nếu có).

2. Rút lực lượng trong trường hợp khẩn cấp

a) Khi có đề nghị của Liên hợp quốc hoặc căn cứ tình hình thực tiễn, người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định rút lực lượng thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc rút lực lượng khẩn cấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ thời điểm có quyết định. Hồ sơ bao gồm: Báo cáo về việc rút lực lượng khẩn cấp kèm theo Quyết định của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan; văn bản đề nghị của Liên hợp quốc (nếu có); tài liệu khác (nếu có).

3. Rút toàn bộ lực lượng Việt Nam tại một Phái bộ trong trường hợp khẩn cấp thực hiện theo khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

Chương III

THẨM QUYỀN BỔ NHIỆM, TIÊU CHÍ LỰA CHỌN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CHỈ HUY TRƯỞNG LỰC LƯỢNG VIỆT NAM TẠI PHÁI BỘ

Điều 9. Thẩm quyền bổ nhiệm Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam

Trên cơ sở đề xuất của Tổ Công tác, Bộ trưởng Bộ chủ quản xem xét, ra quyết định bổ nhiệm nhân sự thuộc phạm vi quản lý của mình đảm nhiệm cương vị Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam đối với Phái bộ mới triển khai; và Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam kế tiếp trong thời gian 03 tháng trước khi Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam đương nhiệm tại Phái bộ kết thúc nhiệm kỳ.

Điều 10. Tiêu chí lựa chọn vị trí Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam

Việc xem xét, lựa chọn vị trí Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam do Tổ Công tác quyết định, trên cơ sở tham chiếu các tiêu chí sau:

1. Vị trí chức danh theo hệ thống tổ chức của Liên hợp quốc.
2. Cấp hàm, chức danh được bổ nhiệm trước khi triển khai.
3. Quy mô quân số của Bộ chủ quản tại một Phái bộ.
4. Kinh nghiệm quản lý, chỉ huy và các trường đã qua, bao gồm cả kinh nghiệm và năng lực lãnh đạo, khả năng ứng phó và xử lý các tình huống phức tạp.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn trong thực hiện thỏa thuận giữa Việt Nam và Liên hợp quốc của Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam tại Phái bộ

1. Hỗ trợ việc tuân thủ, thực hiện các Bản ghi nhớ, các thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với Liên hợp quốc và chính quyền nước sở tại, báo cáo cấp có thẩm quyền Việt Nam các nội dung đề xuất, kiến nghị.
2. Tham mưu cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan (qua Văn phòng Thường trực Tổ Công tác) về nâng cao năng lực tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.
3. Làm việc với chính quyền nước sở tại, tổ chức quốc tế và đối tác khác tại Phái bộ khi được phép của cấp có thẩm quyền nhằm thúc đẩy quan hệ song phương, đa phương và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc của lực lượng Việt Nam.
4. Theo dõi, hướng dẫn lực lượng Việt Nam tại Phái bộ trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao.
5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn trong chỉ đạo, chỉ huy, quản lý, điều hành của Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam tại Phái bộ

1. Nghiên cứu, tham mưu cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan (qua Văn phòng Thường trực Tổ Công tác) về chỉ đạo, chỉ huy, quản lý, điều hành lực lượng Việt Nam tại Phái bộ.

2. Điều phối công tác hỗ trợ triển khai, luân chuyển lực lượng, điều chỉnh, rút lực lượng Việt Nam khỏi Phái bộ. Kịp thời báo cáo, đề xuất phương án xử lý các tình huống, vụ việc phức tạp, nhạy cảm và rút lực lượng trong trường hợp khẩn cấp.

3. Tham mưu cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan (qua Văn phòng Thường trực Tổ Công tác) về công tác chỉ đạo, chỉ huy, điều hành về quản lý hành chính và duy trì kỷ luật đối với lực lượng Việt Nam tại Phái bộ.

4. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn trong tham gia điều tra, xử lý vi phạm của Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam tại Phái bộ

1. Phối hợp với các cơ quan chức năng và lãnh đạo, chỉ huy Phái bộ về các vấn đề hành chính và kỷ luật đối với lực lượng Việt Nam tại Phái bộ khi có yêu cầu của Liên hợp quốc và được Bộ chủ quản của Chỉ huy lực lượng Việt Nam tại Phái bộ cho phép.

2. Bảo vệ quyền lợi cho lực lượng Việt Nam tại Phái bộ, bao gồm cả các chế độ bồi thường trong trường hợp xảy ra sự cố ngoài ý muốn.

Điều 14. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ tháng, quý hoặc đột xuất, Chỉ huy trưởng lực lượng Việt Nam tại Phái bộ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định này về Tổ Công tác (qua Văn phòng Thường trực của Tổ Công tác).

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Quốc phòng và An ninh khi được yêu cầu.

Chương IV

DẤU HIỆU NHẬN BIẾT VŨ KHÍ TRANG BỊ KỸ THUẬT, PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ CỦA LỰC LƯỢNG VIỆT NAM THAM GIA HOẠT ĐỘNG GÌN GIỮ HÒA BÌNH LIÊN HỢP QUỐC

Điều 15. Dấu hiệu nhận biết

1. Vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ của lực lượng Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc khi thực hiện nhiệm vụ tại Phái bộ được dán hoặc sơn chữ “UN” màu đen (đối với lực lượng vũ trang), màu xanh da trời (đối với lực lượng dân sự).

2. Đối với vũ khí trang bị kỹ thuật: Chữ “UN” có kích cỡ thống nhất, phù hợp với kích cỡ thực tế của từng loại trang bị cụ thể; được dán hoặc sơn ở vị trí phù hợp, dễ nhận biết.

3. Đối với phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ: Chữ “UN” có kích cỡ thống nhất đối với mỗi loại phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, tối thiểu là 30 cm chiều

rộng và 45 cm chiều cao; được dán hoặc sơn ở phía trước, phía sau, hai bên, bên trên và phía dưới đối với phương tiện bay.

4. Phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ mang biển số và cờ hiệu của Liên hợp quốc.

Điều 16. Màu sắc

1. Vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ của lực lượng Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc khi thực hiện nhiệm vụ tại Phái bộ được sơn màu trắng.

2. Không sơn, dán quốc kỳ hoặc dấu hiệu nhận biết quốc gia trên vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

3. Việc sơn màu sắc và gắn dấu hiệu nhận biết được thực hiện trước khi triển khai tới Phái bộ.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VỀ THAM GIA HOẠT ĐỘNG GÌN GIỮ HÒA BÌNH LIÊN HỢP QUỐC

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc, thực hiện các nội dung sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, đề án, kế hoạch về việc tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an trình cấp có thẩm quyền cử mới, điều chỉnh, rút lực lượng vũ trang; với bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan trình cấp có thẩm quyền cử mới, điều chỉnh, rút lực lượng dân sự.

3. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chế độ, chính sách cho lực lượng tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

4. Quản lý, chỉ huy, chỉ đạo cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện nhiệm vụ tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc của Bộ Quốc phòng và nhiệm vụ, quyền hạn liên quan khác được giao.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng và các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan xây dựng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cử mới, điều chỉnh, rút lực lượng của Bộ Công an.

3. Chỉ đạo cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện nhiệm vụ tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc của Bộ Công an theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nội dung sau:

1. Đề xuất chủ trương, chính sách trong các vấn đề đối ngoại liên quan đến việc tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

2. Vận động quốc tế hỗ trợ tài chính, chuyên môn, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, huấn luyện và tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đối với công tác chuẩn bị về hộ chiếu, cấp công hàm, hỗ trợ xin thị thực theo quy định và các thủ tục khác có liên quan cho các lực lượng tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí kinh phí bảo đảm cho việc tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 21. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính các nội dung liên quan đến việc tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

2. Xây dựng, quản lý, chỉ huy, điều hành lực lượng thuộc phạm vi quản lý của mình tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc trong nước và tại địa bàn; phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về quản lý hành chính và duy trì kỷ luật lực lượng tại Phái bộ.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị định số 61/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2021 quy định chi tiết một số điều Nghị quyết số 130/2020/QH14 của Quốc hội về tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện Nghị định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). 10

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Hòa Bình